

An Giang, ngày 17 tháng 6 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước lên chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước tăng chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-45cm và cao hơn TBNN từ 05-40cm
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2025 khoảng 05cm và cao hơn TBNN từ 35-65cm
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 16/6 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-30cm và phổ biến thấp hơn TBNN từ 05-15cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước lên chậm, đỉnh triều trạm Xẻo Rô trên BĐI là 05cm.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh có xu thế xuống chậm theo triều trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước có xu thế xuống chậm theo triều trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới với xu thế giảm chậm.
- Vùng cửa sông: Đỉnh triều trên sông Cái Lớn - Cái Bé có xu thế lên chậm theo triều tới ngày 17/6 và ở mức trên BĐI khoảng 05cm.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Khả năng xuất hiện xâm nhập mặn trên sông Cái Lớn-Cái Bé, kênh Cái Sắn vào thời điểm triều cường.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ có khả năng ảnh hưởng đến sinh hoạt và hoạt động sản xuất người dân.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 18/6/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin

Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày		So với		So với		So với		Dự báo				
		BD I	BD II	BD III	16/06		15/06		cùng kỳ 2025		TBNN		17/06	18/06	19/06	20/06	21/06
					Hmax	Hmin	Hmax	Hmin	Hmax	Hmin	Hmax	Hmin					
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	139	4	▲	-18	▼	16	▲	137	132	125	120	115
					Hmin	-29	4	▲	-60	▼	-63	▼	-29	-31	-29	-26	-22
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	150	7	▲	-2	▼	42	▲	148	143	136	131	126
					Hmin	-47	4	▲	-45	▼	-30	▼	-47	-49	-47	-44	-40
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	138	4	▲	-44	▼	6	▲	136	131	124	119	114
					Hmin	23	1	▲	-95	▼	-45	▼	23	21	19	17	15
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	161	6	▲	-7	▼	41	▲	159	154	147	142	137
					Hmin	-33	4	▲	-53	▼	-49	▼	-33	-35	-33	-30	-26
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	172	9	▲	16	▲	63	▲	170	165	158	153	148
					Hmin	-51	1	▲	-36	▼	-13	▼	-51	-53	-51	-48	-44
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	150	1	▲	-7	▼	35	▲	148	143	136	131	126
					Hmin	-45	4	▲	-48	▼	-39	▼	-45	-47	-45	-42	-38
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	35	2	▲	-25	▼	-10	▼	35	33	30	27	24
					Hmin	3	5	▲	-27	▼	-19	▼	5	3	1	-1	-3
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	37	3	▲	-14	▼	9	▲	37	36	35	34	33
					Hmin	23	6	▲	-15	▼	2	▲	20	18	16	14	12
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	35	2	▲	-23	▼	-13	▼	35	34	33	32	31
					Hmin	22	0	◀▶	-22	▼	-14	▼	19	17	15	13	11
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	26	2	▲	-31	▼	-17	▼	26	25	24	23	22
					Hmin	19	0	◀▶	-24	▼	-14	▼	16	14	12	10	8
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	32	1	▲	-29	▼	-17	▼	32	31	30	29	28
					Hmin	24	0	◀▶	-21	▼	-15	▼	21	19	17	15	13
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	45	3	▲	-20	▼	0	◀▶	45	43	40	37	34
					Hmin	9	7	▲	-23	▼	-12	▼	11	9	7	5	3
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	58	0	◀▶	-19	▼	22	▲	60	58	56	54	52
					Hmin	40	6	▲	-13	▼	16	▲	40	38	36	33	30
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	43	2	▲	-20	▼	-6	▼	45	43	41	39	37
					Hmin	30	4	▲	-11	▼	-4	▼	30	28	26	23	20
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	54	3	▲	8	▲	31	▲	56	54	52	50	48
					Hmin	36	6	▲	7	▲	22	▲	36	34	32	29	26
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	77	1	▲	-15	▼	20	▲	79	77	75	73	71
					Hmin	56	5	▲	-12	▼	18	▲	56	54	52	49	46
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	110	4	▲	-5	▼	33	▲	110	107	103	99	95
					Hmin	47	8	▲	-23	▼	5	▲	49	47	43	39	35
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	75	3	▲	-8	▼	16	▲	77	75	73	71	69
					Hmin	43	6	▲	-11	▼	6	▲	43	41	39	36	33

RG-LX	Tân Thành	120	150	180	Hmax	58	1	▲	-12	▼	1	▲	60	58	56	54	52
					Hmin	40	3	▲	-8	▼	2	▲	40	38	36	33	30
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	44	1	▲	-6	▼	7	▲	46	44	42	40	38
					Hmin	30	1	▲	-4	▼	15	▲	30	28	26	23	20
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	23	0	◀▶	-8	▼	-13	▼	26	24	22	20	18
					Hmin	9	4	▲	11	▲	37	▲	6	4	2	0	-2
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	85	4	▲	26	▲	41	▲	85	70	60	50	40
					Hmin	-47	-6	▼	-14	▼	-9	▼	-49	-44	-33	-31	-29

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ▶◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





